

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-10-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lành

Bà Đặng Thị Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Bích– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thanh T; cư trú tại: Ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Lin Yung T1; cư trú tại: Số C, hẻm Y, lộ K, khóm I, phường O, khu V, thành phố H, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 30/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thanh T trình bày như sau: Chị và anh Lin Yung T1 kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân huyện B, tỉnh Vĩnh Long, hôn nhân do mai mối. Sau khi kết hôn, anh Lin Yung T1 bảo lãnh chị qua Đài Loan sống cùng gia đình chồng. Trong quá trình chung sống, chị bị mẹ chồng ngược đãi nên chị đã bỏ về Việt Nam vào ngày 22/3/2019 cho đến nay. Sau khi về Việt Nam thì chị và anh Lin Yung T1 không còn liên lạc. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Lin Yung T1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét chị Trương Thanh T và anh Lin Yung T1 kết hôn vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thanh T là công dân Việt Nam và anh Lin Yung T1 quốc tịch Lãnh thổ Đài Loan là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

[2] Tòa án tiến hành ủy thác tư pháp theo quy định để tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Lin Yung T1 là bị đơn. Trong đó, ấn định ngày mở phiên họp hòa giải, ngày mở phiên tòa. Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp cho người chung sống với anh Lin Yung T1. Tuy nhiên, anh Lin Yung T1 không gửi ý kiến về Tòa án và không có mặt để tham dự phiên tòa, vì vậy Tòa án giải quyết vắng mặt đối với anh theo quy định tại Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đối với chị Trương Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị.

[3] Nhận thấy chị Trương Thanh T và anh Lin Yung T1 kết hôn do mai mối, thời gian tìm hiểu nhau chưa kỹ, hai người chung sống với nhau khoảng 06 tháng. Từ ngày 22/3/2019 đến nay hai người không còn liên lạc với nhau nữa. Xét thấy hai người ở hai nước khác nhau, thời gian dài không còn liên lạc với nhau, điều này thể hiện không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, ai biết bốn phận của người đó, quan hệ hôn nhân giữa hai người chỉ tồn tại trên hình thức, thực chất tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trương Thanh T và anh Lin Yung T1 trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc chị Trương Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Lin Yung T1 là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị Trương Thanh T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trương Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên Tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thanh T. Cho chị Trương Thanh T được ly hôn với anh Lin Yung T1.

2. Án phí: Chị Trương Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 2554 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết chị Trương Thanh T được quyền kháng cáo. Anh Lin Yung T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- UBNDHB: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn